

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm 2012 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Sĩ Hải	Chủ tịch	
Bà Lưu Thị Việt Hồng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hào	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/10/2012
Ông Lê Thành Công	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/10/2012

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hào	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Hương Lan	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Sĩ Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hà Trung	Phó Tổng Giám đốc	
	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29/10/2012
Bà Nguyễn Thị Diệp Anh	Trưởng phòng kế toán	Bổ nhiệm ngày 01/08/2012

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Ban Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UIIY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

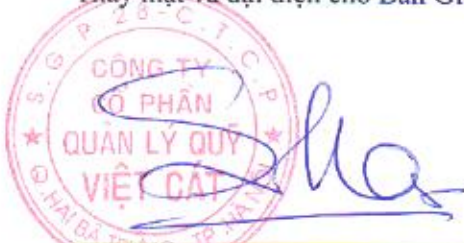
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012 ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Sĩ Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Số: MS /2013/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2012, cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 28 tháng 03 năm 2013, trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tuy nhiên công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau:

Hạn chế do phạm vi công việc bị giới hạn:

Đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các thông tin cần thiết liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư mua cổ phần của các Công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt số tiền 1.163.640.000 đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương số tiền 375.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Quốc Tế số tiền 5.273.296.000 đồng. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá rằng liệu có khả năng giảm giá đối với các khoản đầu tư này hay không.

Chúng tôi cũng chưa thu thập được xác nhận sở hữu phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Quốc tế tại ngày 31/12/2012. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá về tính hiện hữu đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Quốc tế

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1395/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.391.908.826	15.956.651.088
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.298.706.985	6.633.543.120
1. Tiền	111		178.514.485	147.011.745
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.120.192.500	6.486.531.375
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.230.000.000	3.220.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	2.230.000.000	3.220.000.000
III. Các khoản phải thu	130		5.772.973.103	6.072.323.297
2. Trả trước cho người bán	132		58.950.000	45.200.000
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		84.629.335	280.267.542
5. Các khoản phải thu khác	135	6	5.629.393.768	5.746.855.755
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90.228.738	30.784.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.397.750	16.171.664
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	68.830.988	14.613.007
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.374.143.743	9.820.461.178
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		954.009.335	1.176.787.815
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	954.009.335	1.176.787.815
- Nguyên giá	222		1.907.437.038	1.873.766.038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(953.427.703)	(696.978.223)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		100.058.635	100.058.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.058.635)	(100.058.635)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.391.936.000	7.628.640.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	253	9	6.436.936.000	1.163.640.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	955.000.000	6.465.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		28.198.408	1.015.033.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		28.198.408	35.033.363
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	980.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.766.052.569	25.777.112.266

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

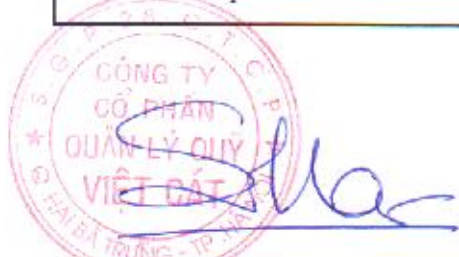
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
A-NỢ PHẢI TRẢ	300		515.839.426	583.271.570
I. Nợ ngắn hạn	310		515.839.426	572.171.250
3. Người mua trả tiền trước	313		70.000.000	146.135.556
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		36.720.868	25.742.130
5. Phải trả người lao động	315		2.968.803	1.500.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		406.149.755	398.793.564
II. Nợ dài hạn	330		-	11.100.320
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	11.100.320
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	11	25.250.213.143	25.193.840.696
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		250.213.143	193.840.696
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		25.766.052.569	25.777.112.266

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		2.050.000.000	12.785.170.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	12.1	112.766.893	211.469.624
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		112.766.893	211.469.624
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	12.2	52.498.208.789	392.183.717.951
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		52.498.208.789	392.183.717.951
9.1. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	12.3	99.301.528	586.721.686



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Diệp Anh
Trưởng phòng kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	13	769.941.012	2.351.229.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		769.941.012	2.351.229.554
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	14	5.995.413	515.453.702
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		763.945.599	1.835.775.852
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	2.661.514.880	1.402.065.644
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	3.350.297.216	3.164.997.594
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.163.263	72.843.902
10. Thu nhập khác	31		-	1.882.898
12. Lợi nhuận khác	40		-	1.882.898
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.163.263	74.726.800
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	18.790.816	18.681.700
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		56.372.447	56.045.100
17. Lãi trên cổ phiếu	70		23	22



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Diệp Anh
Trưởng phòng kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.035.579.219	1.977.833.723
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.108.681.923)	(897.634.799)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.884.788.350)	(1.482.980.481)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(9.145.072)	(16.503.130)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.235.977.177	5.635.944.889
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.985.786.553)	(1.598.391.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.716.845.502)	3.618.268.729
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.671.000)	(873.284.365)
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.810.000.000)	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.220.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.820.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.744.960.000	371.135.556
7. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.260.720.367	828.960.703
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.382.009.367	(3.493.188.106)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.665.163.865	125.080.623
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.633.543.120	6.508.462.497
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	9.298.706.985	6.633.543.120



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Diệp Anh
Trưởng phòng kế toán

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Số năm trước	Số năm nay	Số năm trước		Số năm nay		Số năm trước	Số năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn chủ sở hữu	11								
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối		137.795.596	193.840.696	56.045.100	-	56.372.447	-	193.840.696	250.213.143
Tổng cộng		25.137.795.596	25.193.840.696	56.045.100	-	56.372.447	-	25.193.840.696	25.250.213.143




Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Thị Diệp Anh
Trưởng phòng kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 28/UBCK-GP cấp ngày 25/01/2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 02, Tòa nhà Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, số 141 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2012, tổng số vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là 25 tỷ VND chia thành 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập góp vốn mua cổ phần của Công ty và đến ngày 31/12/2012 đã hoàn thành 100%. (Việc góp vốn chi tiết xem tại thuyết minh 11).

Tổng số nhân viên bình quân của Công ty trong năm 2012 là 8 nhân viên.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ ban hành kèm theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính. Thông tư này có sự thay đổi so với Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Chế độ kế toán Công ty quản lý Quỹ. Do đó, số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được phân loại và trình bày lại cho mục đích so sánh (Chi tiết các chỉ tiêu thay đổi xem tại thuyết minh số 20 – Số liệu so sánh).

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng và tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính khi có sự sụt giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Phương tiện vận tải	7
- Thiết bị văn phòng	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	8.871.243	89.469.052
Tiền gửi ngân hàng	169.643.242	57.542.693
Các khoản tương đương tiền (*)	9.120.192.500	6.486.531.375
Cộng	9.298.706.985	6.633.543.120

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2012 là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội có thời hạn dưới 3 tháng.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 là tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh, lãi suất 11%/năm, thời gian đáo hạn ngày 31/07/2013.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Phí quản lý - Công ty Cổ phần Phần mềm Việt	77.801.425	77.801.924
Công ty phần mềm Việt	-	5.273.296.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Việt Nam (1)	1.600.000.000	-
Ông Nguyễn Thành Nam (2)	3.640.000.000	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	194.152.151	238.317.669
Tiền đặt cọc thuê nhà 3 tháng - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo Hiểm Quốc Gia Việt Nam	65.545.692	105.446.192
Phải thu khác	51.894.500	51.993.970
Cộng	5.629.393.768	5.746.855.755

(1): Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Việt Nam là khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ Hạ tầng và Thương mại Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐCN/VFC-AMC/2012 ngày 15/04/2012.

(2): Khoản phải thu Ông Nguyễn Thành Nam bao gồm:

- Phải thu từ hợp đồng bán Cổ phiếu Archi Reenco Hoà Bình theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2012/HĐCN/VFC-THANHNAM ngày 10/12/2012, số tiền 2.040.000.000 đồng.
- Công ty chuyển số tiền 1.600.000.000 đồng cho Ông Nguyễn Thành Nam để thực hiện hợp đồng mua cổ phiếu Archi Land Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/ĐCMCP/VFC-Nam-ARCHI/2012 ngày 01/10/2012. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa chuyển hết tiền theo hợp đồng và chưa làm thủ tục chuyển nhượng để ghi tăng khoản đầu tư của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tạm ứng	68.830.988	14.613.007
Cộng	68.830.988	14.613.007

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	320.686.238	1.553.079.800	1.873.766.038
Tăng trong năm	33.671.000		33.671.000
Tại ngày 31/12/2012	354.357.238	1.553.079.800	1.907.437.038
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	(259.696.284)	(437.281.939)	(696.978.223)
Trích khấu hao trong năm	(34.580.940)	(221.868.540)	(256.449.480)
- Trích khấu hao trong năm	(34.580.940)	(221.868.540)	(256.449.480)
Tại ngày 31/12/2012	(294.277.224)	(659.150.479)	(953.427.703)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	60.989.954	1.115.797.861	1.176.787.815
Tại ngày 31/12/2012	60.080.014	893.929.321	954.009.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Tỷ lệ đầu tư	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 31/12/2011	
		Số lượng	Giá Trị	Số lượng	Giá Trị
Cổ phiếu Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Trí Việt (1)	30%	1.500	1.163.640.000	1.500	1.163.640.000
Cổ phiếu Công ty CP Phần mềm Việt Quốc Tế (2)	26%	130.000	5.273.296.000	-	-
		131.500	6.436.936.000	1.500	1.163.640.000

(1) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt theo hợp đồng mua ngày 01/12/2009 và theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt ngày 05/12/2009. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt phát hành với số lượng 1.500 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần, và tổng giá trị chuyển nhượng là 1.163.640.000 đồng.

(2) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Quốc Tế là đầu tư mua lại cổ phiếu theo điều kiện tại phụ lục hợp đồng số 4 kèm theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01R/2008/VFC-ĐT ngày 05/06/2008. Công ty đã bán số cổ phiếu này cho Công ty Cổ phần Phần mềm Việt theo hợp đồng 01R/2008/VFC-ĐT ngày 05/06/2008 với tổng số cổ phần 130.000 cổ phần, giá bán 40.563 đồng/cổ phần và mua lại với giá đã bán ra năm 2011 do bên mua không có khả năng thanh toán. Các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu này chưa được hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tỷ lệ đầu tư	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 31/12/2011	
		Số lượng	Giá Trị	Số lượng	Giá Trị
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Nhà đất Đông Dương (1)	10%	60.000	375.000.000	60.000	375.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	183.517	2.000.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Công nghệ Hạ tầng và TM Hà Nội (2)	-	-	-	1.020.000	4.090.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (3)			580.000.000		
		60.000	955.000.000	1.263.517	6.465.000.000

(1) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương theo Quyết định và theo Biên bản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương ngày 10/05/2012. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương phát hành với số lượng 60.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, giá mua vào là 6.250 đồng/cổ phần, giá mua vào là 6.250 đồng/cổ phần số tiền là 375.000.000 đồng

(2) Trong năm 2012, Công ty thực hiện bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ Hạ tầng và Thương mại Hà Nội cho Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐCN/VFC-AMC/2012 ngày 15/04/2012.

(3) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia theo Hợp đồng tiền gửi số 16082012/HĐTG/VFC-BIDC.HN lãi suất là 1,5%/năm và kỳ hạn là 13 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GÓP VỐN ĐIỀU LỆ THEO DĂNG KÝ KINH DOANH

	Theo cam kết		Tại ngày 31/12/2012		
	Cổ phần đăng ký	Tỷ lệ sở hữu	Tổng Vốn điều lệ thực góp		Tỷ lệ sở hữu
	CP	%	CP	VND	%
Cổ đông sáng lập					
Ông Nguyễn Hà Trung	800.000	32,0%	800.000	8.000.000.000	32,0%
Ông Phạm Sĩ Hải	450.000	18,0%	450.000	4.500.000.000	18,0%
Ông Lê Thành Công	300.000	12,0%	300.000	3.000.000.000	12,0%
Bà Nguyễn Thị Hào	250.000	10,0%	250.000	2.500.000.000	10,0%
Bà Lưu Thị Việt Hồng	225.000	9,0%	225.000	2.250.000.000	9,0%
Công ty Cổ phần Nhất Vinh	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Bà Phạm Thu Trang	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
Bà Nguyễn Hương Lan	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
Cộng	2.500.000	100%	2.500.000	25.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12.1. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Nhà Đầu tư	Dư đầu năm	Phát sinh tăng (*)	Phát sinh giảm (**)	Đơn vị tính: VND
Công ty CP Dầu tự Nhà đất Đồng Dương	-	12.327.854.811	12.327.499.871	354.940
Công ty CP Dầu tự và Thương mại Đông Sơn	15.011.548	119.137.224.857	119.148.914.027	3.322.378
Công ty CP Tư vấn, Dầu tự EMA	3.638.559	1.111.898.018.980	1.111.893.411.298	8.246.241
Công ty CP Bất động sản Liên Á	-	7.317.527.375	7.317.102.355	425.020
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	-	80.636.264.129	80.636.264.129	-
Công ty TNHH Tư vấn Dầu tự Thành Đạt	42.733.111	3.808.944.482	3.839.849.284	11.828.309
Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam Thịnh Vượng	11.055.594	320.384.121.011	320.388.696.272	6.480.333
Ngân hàng Dầu tự & Phát triển BIDC	12.454.004	717.438.043.512	717.444.664.338	5.833.178
Các nhà đầu tư khác	126.576.808	25.000.904.236	25.051.204.550	76.276.494
Tổng	211.469.624	2.397.948.903.393	2.398.047.606.124	112.766.893

Ghi chú:

(*): Nhà đầu tư gửi tiền vào để thực hiện các hoạt động chi định đầu tư của nhà đầu tư.

(**): Nhà đầu tư rút tiền ra khi thực hiện bán các khoản đầu tư theo chi định, thanh toán phí lưu ký chứng khoán tại Ngân hàng lưu ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
Số 141 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12.2. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chỉ tiêu	Giá trị tại ngày 01/01/2012		Mua		Bán		Giá trị tại ngày 31/12/2012	
	VND	Số lượng	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
- Cổ phiếu	97.572.957.509	3.753.517	45.038.771.280	6.679.952	92.799.520.000	49.812.208.789		
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Trường Phát	15.515.700.000	-	-	465.471	4.654.710.000	10.860.990.000		
+ Công ty Cổ phần Côn Rượu Hà Nội	944.810.000	-	-	94.481	944.810.000	-		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương	2.400.000.000	-	-	-	-	2.400.000.000		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý BĐS Việt Nam	1.510.000.000	-	-	-	-	1.510.000.000		
+ Ngân hàng Á Châu (ACB)	2.447.509	-	-	-	-	2.447.509		
+ Công ty Cổ phần BĐS Liên Á	1.200.000.000	-	-	120.000	1.200.000.000	-		
+ TCT CP dịch vụ kỹ thuật đầu khí Việt Nam (PVS)	76.000.000.000	-	-	5.000.000	76.000.000.000	-		
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	183.517	2.384.760.000	-	-	2.384.760.000		
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Archi Reenco Hoà Bình	-	320.000	7.840.000.000	-	-	7.840.000.000		
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và QL BĐS Việt Nam (có phiếu ưu đãi)	-	250.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000		
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Archi	-	1.000.000	12.314.011.280	-	-	12.314.011.280		
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông	-	2.000.000	20.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000		
- Trái phiếu	100.354.000.000	3.985.000	399.825.619.134	4.985.000	500.179.619.134	-		
+ Trái phiếu Chính phủ - TB1015059	-	500.000	47.097.417.600	500.000	47.097.417.600	-		
+ Trái phiếu Chính phủ - VDB110023	-	500.000	50.432.584.500	500.000	50.432.584.500	-		
+ Trái phiếu Chính phủ - TD1116026	-	985.000	102.580.682.034	985.000	102.580.682.034	-		
+ Trái phiếu Chính phủ - VDB111003	-	1.000.000	102.265.449.000	1.000.000	102.265.449.000	-		
+ VDB111036	51.761.000.000	1.000.000	97.449.486.000	1.500.000	149.210.486.000	-		
+ TB1015052	48.593.000.000	-	-	500.000	48.593.000.000	-		
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	39.916.749.162	-	920.466.538.889	-	960.383.288.051	-		
- Đặt cọc mua bán chứng khoán	154.340.011.280	-	189.662.454.000	-	344.002.465.280	-		
- Bất động sản tại Mỹ Đình	-	-	2.686.000.000	-	-	2.686.000.000		
- Thoả thuận với ICA	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-		
Cộng	392.183.717.951	7.738.517	1.560.179.383.303	11.664.952	1.899.864.892.465	52.498.208.789		

Ghi chú: Số dư cuối năm của các khoản đầu tư của nhà Ủy thác đầu tư được trình bày theo giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, danh mục đầu tư toàn bộ là nhà đầu tư chi định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12.3 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ỦY THÁC ĐẦU TƯ**

Nhà Đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đông Sơn	37.413.339	27.129.170
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	17.601	355.044.036
Các nhà đầu tư khác	61.870.588	204.548.480
Cộng	99.301.528	586.721.686

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	769.941.012	2.351.229.554
Cộng	769.941.012	2.351.229.554

14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí liên quan đến quản lý danh mục đầu tư	5.995.413	515.453.702
Cộng	5.995.413	515.453.702

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.444.960.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.216.554.880	1.402.065.644
Cộng	2.661.514.880	1.402.065.644

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.086.896.040	1.683.830.359
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ quản lý	80.082.705	232.333.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	256.449.480	218.931.161
Thuế, phí và lệ phí	6.094.674	32.577.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	767.997.874	767.126.721
Chi phí bằng tiền khác	152.776.443	230.198.607
Cộng	3.350.297.216	3.164.997.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.163.263	74.726.800
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	75.163.263	74.726.800
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải trả ước tính	18.790.816	18.681.700
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>18.790.816</u>	<u>18.681.700</u>

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.298.706.985	6.633.543.120
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.230.000.000	3.220.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.114.023.103	6.027.123.297
Tài sản tài chính dài hạn khác	955.000.000	6.465.000.000
	<u>16.597.730.088</u>	<u>22.345.666.417</u>
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	406.149.755	398.793.564
	<u>406.149.755</u>	<u>398.793.564</u>
Trạng thái ròng	<u>16.191.580.333</u>	<u>21.946.872.853</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2012 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
31/12/2012				
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	406.149.755	-	-	406.149.755
	406.149.755	-	-	406.149.755
01/01/2012				
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	398.793.564	-	-	-
	398.793.564	-	-	-

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.514.485	9.120.192.500	-	9.298.706.985
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.230.000.000	-	2.230.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.114.023.103	-	-	4.114.023.103
Đầu tư dài hạn khác (*)	375.000.000	580.000.000	-	955.000.000
	4.667.537.588	11.930.192.500	-	16.597.730.088
01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.011.745	6.486.531.375	-	6.633.543.120
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	3.220.000.000	-	3.220.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.027.123.297	-	-	6.027.123.297
Đầu tư dài hạn khác (*)	6.465.000.000	-	-	6.465.000.000
	12.639.135.042	9.706.531.375	-	22.345.666.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro tín dụng (tiếp)**

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

	Cộng (Giá trị ghi sổ)		Không quá hạn	
	VND	VND	VND	VND
		Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Cộng
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.298.706.985	-	9.298.706.985	9.298.706.985
Các khoản đầu tư tài chính	2.230.000.000	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.114.023.103	-	4.114.023.103	4.114.023.103
Đầu tư dài hạn khác	955.000.000	-	955.000.000	955.000.000
	16.597.730.088	-	16.597.730.088	16.597.730.088
01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.633.543.120	-	6.633.543.120	6.633.543.120
Các khoản đầu tư tài chính	3.220.000.000	-	3.220.000.000	3.220.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.027.123.297	-	6.027.123.297	6.027.123.297
Đầu tư dài hạn khác	955.000.000	-	955.000.000	955.000.000
	16.835.666.417	-	16.835.666.417	16.835.666.417

19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**19.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương và thu nhập của Ban Giám đốc	904.140.303	752.701.000
	904.140.303	752.701.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

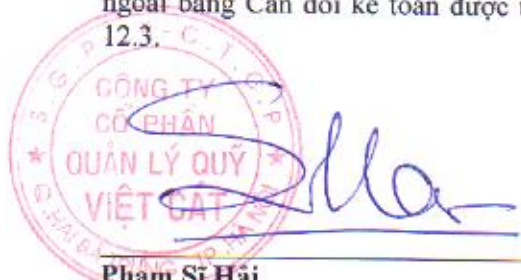
19. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

19.2 CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2011
	%	%
1. Cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định và Đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	32,50	38,10
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	67,50	61,90
2. Tỷ suất sinh lợi		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	7,32	2,38
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn góp	0,23	0,22
3. Tình hình tài chính		
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	2,00	2,26
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	2.234,94	1.722,13
- Tài sản cố định/Vốn chủ sở hữu	3,82	4,71

19.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán. Năm 2012 Công ty áp dụng thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty Quản lý quỹ. Theo đó, Công ty đã trình bày lại số đầu năm phần tài sản của nhà ủy thác đầu tư và nguồn vốn nhận ủy thác tương ứng trên Báo cáo các chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán được trình bày tại trang số 7 và Thuyết minh số 12.1, 12.2, 12.3.



Phạm Sĩ Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Diệp Anh
Trưởng phòng kế toán